

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 12/02/2023

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Hồ Hoàng Đức Anh	Nam	30/9/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	9.5	54/QĐ24/2023	TH004557	
2	Vũ Thị Giang	Nữ	12/3/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	55/QĐ24/2023	TH004558	
3	Lê Chư Hùng	Nam	07/10/1974	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	56/QĐ24/2023	TH004559	
4	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Nữ	17/11/1996	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	57/QĐ24/2023	TH004560	
5	Phạm Văn Khang	Nam	10/5/1991	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	58/QĐ24/2023	TH004561	
6	Nguyễn Yến Linh	Nữ	05/7/2000	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	59/QĐ24/2023	TH004562	
7	Trần Văn Lợi	Nam	20/10/1976	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	60/QĐ24/2023	TH004563	
8	Lô Thị Tú Ly	Nữ	18/11/2000	Nghệ An	Kinh	6.7	9.5	61/QĐ24/2023	TH004564	
9	Nguyễn Công Nghĩa	Nam	18/12/1993	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	62/QĐ24/2023	TH004565	
10	Đinh Thị Nhân	Nữ	20/10/1996	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	63/QĐ24/2023	TH004566	
11	Nguyễn Thị Mai Oanh	Nữ	12/01/1985	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	64/QĐ24/2023	TH004567	
12	Hoàng Thị Oánh	Nữ	04/10/1998	Nghệ An	Kinh	7.0	6.0	65/QĐ24/2023	TH004568	
13	Phạm Đức Phong	Nam	09/8/1992	Nghệ An	Kinh	8.0	9.5	66/QĐ24/2023	TH004569	
14	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	15/4/1994	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	67/QĐ24/2023	TH004570	
15	Nguyễn Thị Ngọc Sen	Nữ	17/8/1999	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	9.5	68/QĐ24/2023	TH004571	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
16	Nguyễn Văn Sơn	Nam	05/8/1994	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	7.5	69/QĐ24/2023	TH004572	
17	Nguyễn Văn Tăng	Nam	01/10/1978	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	70/QĐ24/2023	TH004573	
18	Hoàng Hữu Thắng	Nam	25/7/1992	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	71/QĐ24/2023	TH004574	
19	Trần Thị Thảo	Nữ	10/4/1987	Hà Tĩnh	Kinh	7.3	9.0	72/QĐ24/2023	TH004575	
20	Chu Thị Thu	Nữ	10/01/1993	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	73/QĐ24/2023	TH004576	
21	Nguyễn Lâm Trạch	Nam	10/7/1966	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	74/QĐ24/2023	TH004577	
22	Nguyễn Thanh Tuyền	Nam	21/9/1976	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	5.5	75/QĐ24/2023	TH004578	
23	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	03/7/2000	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	76/QĐ24/2023	TH004579	
24	Hoàng Quang Anh	Nam	21/07/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	77/QĐ24/2023	TH004580	
25	Lê Hải Bằng	Nam	19/4/1992	Quảng Bình	Kinh	6.7	9.0	78/QĐ24/2023	TH004581	
26	Hoàng Thị Biển	Nữ	05/6/1991	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	79/QĐ24/2023	TH004582	
27	Ngô Thị Dung	Nữ	07/4/1984	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	80/QĐ24/2023	TH004583	
28	Lê Thị Mỹ Hằng	Nữ	21/10/1992	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	9.0	81/QĐ24/2023	TH004584	
29	Trần Thị Hạnh	Nữ	09/5/1984	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	82/QĐ24/2023	TH004585	
30	Hoàng Đình Hoan	Nam	14/10/1990	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	83/QĐ24/2023	TH004586	
31	Hà Thị Hương	Nữ	10/4/1982	Hòa Bình	Kinh	6.7	8.5	84/QĐ24/2023	TH004587	
32	Tạ Quang Huy	Nữ	20/7/1987	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	85/QĐ24/2023	TH004588	
33	Phan Thị Huyền	Nữ	23/10/1993	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	6.5	86/QĐ24/2023	TH004589	
34	Nguyễn Chí Linh	Nam	12/9/1989	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	7.5	87/QĐ24/2023	TH004590	
35	Phan Thị Loan	Nữ	19/02/1992	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.5	88/QĐ24/2023	TH004591	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
36	Võ Thị Xuân Long	Nữ	22/5/1994	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.0	89/QĐ24/2023	TH004592	
37	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	07/7/1987	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	90/QĐ24/2023	TH004593	
38	Phạm Thị Nga	Nữ	03/3/1988	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	91/QĐ24/2023	TH004594	
39	Cao Thị Nho	Nữ	14/9/1991	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	92/QĐ24/2023	TH004595	
40	Lê Thị Nhung	Nữ	18/5/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.5	93/QĐ24/2023	TH004596	
41	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	20/02/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	94/QĐ24/2023	TH004597	
42	Hà Thị Tâm	Nữ	12/11/1986	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	95/QĐ24/2023	TH004598	
43	Hoàng Thị Thắm	Nữ	04/01/1998	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	96/QĐ24/2023	TH004599	
44	Đặng Thị Hoài Thanh	Nữ	04/12/1988	Nghệ An	Kinh	7.3	8.5	97/QĐ24/2023	TH004600	
45	Đoàn Phương Thảo	Nữ	15/6/2000	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	9.0	98/QĐ24/2023	TH004601	
46	Nguyễn Thị Thom	Nữ	29/10/1990	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.5	99/QĐ24/2023	TH004602	
47	Phan Thị Thúy	Nữ	12/9/1991	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	100/QĐ24/2023	TH004603	
48	Trần Trọng Thủy	Nam	07/6/1987	Nghệ An	Kinh	7.3	8.5	101/QĐ24/2023	TH004604	
49	Hồ Thị Thanh Trà	Nữ	20/10/1989	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	102/QĐ24/2023	TH004605	
50	Hồ Thị Trang	Nữ	10/10/1985	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	103/QĐ24/2023	TH004606	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

